

BÁO CÁO
CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023 - 2024

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh

- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 78, đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

2. Loại hình cơ sở giáo dục: Loại hình công lập, trường chuyên biệt trực thuộc sự quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh. Là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4)

3. Sự mệnh: Giáo dục học sinh bậc phổ thông (cấp THCS và THPT) theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Tầm nhìn: Trở thành một cơ sở giáo dục chất lượng cao trong việc đào tạo học sinh dân tộc thiểu số trở thành công dân toàn diện, có tri thức, kỹ năng, ý thức giữ gìn văn hóa truyền thống, và khả năng đóng góp tích cực cho cộng đồng, xã hội và đất nước. Phấn đấu để mỗi học sinh của trường đều có thể tự tin phát triển và hội nhập trong thời đại mới.

II. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh được thành lập tại quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2010 về việc thành lập trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh, nhà trường có diện tích là 13308,7m² m².

Trường tọa lạc tại số 78, Khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đối tượng học sinh của trường là con em dân tộc, hàng năm trường có từ 13-15 thành phần dân tộc khác nhau. Đa số phụ huynh dân tộc không rành về Tiếng Việt, phụ huynh đều làm nông nghiệp đời sống còn nhiều khó khăn.

- Trong những năm học qua, được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Sở Giáo dục Đào tạo và sự nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ CBQL, GV và nhân viên, nhà trường đã có những bước tiến vững chắc trong hoạt động dạy học, ổn định nề nếp nội trú.

- Năm học 2024-2025, nhà trường có 63 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao. Năng lực chuyên môn vững vàng, tận tụy, hết lòng vì học sinh, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đều đạt chuẩn và vượt chuẩn so với quy định.

- Số lượng học sinh học tại trường: trường có 19 lớp với 540 học sinh.

1. Thông tin người đại diện pháp luật Của nhà trường

Họ và tên: Lê Thị Tươi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc:

Số điện thoại: 0276.3926575

Địa chỉ thư điện tử: lethituoitayninh@gmail.com

2. Tổ chức bộ máy

a) Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh được thành lập tại quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2010 về việc thành lập trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh,

b) Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số (kèm theo)

c) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Theo Quyết định số (kèm theo)

d) Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Theo Quyết định số (kèm theo)

đ) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Theo Quyết định số (kèm theo)

e) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Theo Quy chế được ban hành kèm theo quyết định số, của Hiệu trưởng trường Phổ thông dân tộc nội trú

g) Họ và tên chức vụ điện thoại, địa chỉ, thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

*** Hiệu trưởng:**

Họ và tên: **Lê Thị Tươi**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0276.3926575

Địa chỉ thư điện tử: lethituoitayninh@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh.

*** Phó Hiệu trưởng:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Lương Yên**

Số điện thoại: 0917540900

Địa chỉ thư điện tử: nguyenluongyen2011@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh.

*** Phó Hiệu trưởng:**

Họ và tên: **Lê Minh Trung,**

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0939048016

Địa chỉ thư điện tử: trungleminh5@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh.

Phó Hiệu trưởng: Lê Văn Ngọt

- Điện thoại: 0937451115

- Email: ngotlvtn@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh.

3. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch, chiến lược phát triển giáo dục (kèm theo ở phụ lục 1)
- Quy chế dân chủ của cơ sở giáo dục (kèm theo ở phụ lục 2)
- Quy tắc ứng xử (kèm theo ở phụ lục 3)
- Các quy định, quy chế, kế hoạch nội bộ khác.

II. Đội ngũ nhà giáo, CBQL, giáo viên, nhân viên

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo vị trí việc làm:

STT	Nội dung	Năm 2022 - 2023	Năm 2023 - 2024	Ghi chú
1	CBQL	4	4	
2	Giáo viên:			
2.1	- Số lượng:	100	100	
2.2	- Trình độ: + Thạc sĩ: + Đại học: + Cao đẳng: + Trung cấp: 03	+9 +39 +02 +03	+11 +39 +02 +03	
2.3	Số lượng CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp	100%	100%	
3	Nhân viên: (Kế toán, thủ quỹ, văn thư, bảo vệ, tạp vụ, nhân viên điện)			
3.1	- Số lượng:	12	12	Khuyết 1 NV Kỹ thuật viên
3.2	- Trình độ: + sau đại học: + Đại học: + Cao đẳng: + Trung cấp: + Dưới TC:	+01 +01 +02 +02 + 06	+01 +01 +02 +02 + 06	

STT	Nội dung	Năm 2022 - 2023	Năm 2023 - 2024	Ghi chú
4.	Tỉ lệ CBGV, NV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định	100%	100%	

III. Cơ sở vật chất nhà trường

1. Phụ lục 1

STT	Nội dung	Năm 2022 - 2023	Năm 2023 - 2024	Ghi chú
1	Diện tích nhà trường, diện tích bình quân trên 1 học sinh	10 m ²	10 m ²	
2	Số lượng các phòng học, phòng hành chính quản trị			
2.1	- Phòng học	48	48	
	- Phòng học bộ môn (Vật lý, hóa học, sinh học, Công nghệ, phòng Tin học 6)	16	16	
2.2	- Phòng hành chính: Phòng HT, PHT, văn thư, kế toán, thư viện, Đoàn TN, Công đoàn, phòng họp HĐSP	9	9	
2.3	- Nhà thi đấu:	1	1	
2.4	- Sân chơi ngoài trời	...m ²	...m ²	
3	Số lượng thiết bị dạy học	- Cơ bản đảm bảo theo CT 2006, chưa có TB cho CT 2018	- Cơ bản đảm bảo theo CT 2006, chưa có TB cho CT 2018	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	2 bộ trò chơi vận động	2 bộ trò chơi vận động	
5	Danh mục sách giáo khoa	Đã được phê duyệt, công khai PHHS và HS toàn trường	Đã được phê duyệt, công khai PHHS và HS toàn trường	

2. Phụ lục 2

STT	Nội dung	Năm 2022 - 2023		Năm 2023 - 2024	
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	Số 1.5m ² /học sinh	20	Số 1.5m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-		
1	Phòng học kiên cố	20	1.5m ² /học sinh	20	Số 1.5m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-		
3	Phòng học tạm	0	-		
4	Phòng học nhờ	0	-		
5	Số phòng học bộ môn	9	1.5m ² /học sinh		1.5m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	1.5m ² /học sinh		1.5m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1.5m ² /học sinh		1.5m ² /học sinh
8	Bình quân học sinh/lớp	30	1.5m ² /học sinh		1.5m ² /học sinh
III	Số điểm trường		-		
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	133087	26,4	133087	26,4
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1320	2,6	1320	2,6
VI	Tổng diện tích các phòng	769	1,5	769	1,5

1	Diện tích phòng học (m ²)	35	1	35	1
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	434	0,8	434	0,8
3	Diện tích thư viện (m ²)	79	0,15	79	0,15
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	614	1,2	614	1,2
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	30	0,05	30	0,05
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/lớp	1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	7/20	7	7/20
1.1	Khối lớp 6,7,8,9	4	4/12	4	4/12
1.2	Khối lớp 10,11,12	3	3/8	3	3/8
1.3	Khối lớp...				
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định				
2.1	Khối lớp...				
2.2	Khối lớp...				
2.3	Khối lớp...				
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)				
4	...				

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	78	Số học sinh/bộ	78	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	20/20	20	20/20
2	Cát xét	2	2/20	2	2/20
3	Đầu Video/đầu đĩa	1		1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	5/20	5	5/20
5	Thiết bị khác...(bảng tương tác, màn hình tivi thông minh)	5	5/20	5	5/20
	Nội dung	Số lượng (m ³)			
X	Nhà bếp	2 (50)			
XI	Nhà ăn	2 (635)			
XII	Phòng nghỉ cho học sinh nội trú	108(4032)- 6m ²			
XIII	Nhà vệ sinh	-Giáo viên: 08 -Học sinh 04			

IV. Kiểm định chất lượng dạy học

STT	Nội dung	Năm 2022 - 2023	Năm 2023 - 2024	Ghi chú
1	Kết quả tự đánh giá	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	
2	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá	Đã triển khai thực hiện	Đã triển khai thực hiện	
3	Kết quả đánh giá ngoài	Không đánh giá	Không đánh giá	

STT	Nội dung	Năm 2022 - 2023	Năm 2023 - 2024	Ghi chú
4	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài	Đã triển khai thực hiện	Đã triển khai thực hiện	
5	Kết quả xây dựng trường chuẩn Quốc gia	Chưa đạt	Chưa đạt	

V. Kết quả hoạt động giáo dục

1. Thông tin về kết quả giáo dục:

a) Thông tin tuyển sinh

- Hàng năm đơn vị thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng hướng dẫn của sở Giáo dục và Đào tạo.

- Địa bàn tuyển sinh: trong tỉnh.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: thực hiện theo chỉ tiêu được cấp trên phê duyệt.

- Đơn vị thực hiện công khai rộng rãi theo quy định về đối tượng, điều kiện, phương thức xét tuyển cho người dân, PHHS và học sinh được biết.

b) Kế hoạch giáo dục:

- Hàng năm Hội đồng trường, BGH nhà trường đều xây dựng kế hoạch giáo dục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện:

- Năm 2022 - 2023: Thực hiện theo Kế hoạch số/KH-THPT, ngày/...../2022.

- Năm 2023 - 2024: Thực hiện theo Kế hoạch số/KH-THPT, ngày/...../2023.

c) Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục học sinh:

- Đơn vị phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trong việc giáo dục học sinh, phối hợp với các ban ngành có liên quan như Công An phường Ninh Sơn, công an Thành phố, Thành đoàn Thành phố,... trong công tác giáo dục học sinh.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện và sinh hoạt cho học sinh

- Ngoài kế hoạch giáo dục chính khóa, đơn vị có xây dựng các chương trình giáo dục ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, hoạt động giáo dục địa phương, các hoạt động giáo dục theo chủ đề như An toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tệ nạn xã hội,... nhằm giáo dục nhận thức, nâng cao kỹ năng cho học sinh.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023 - 2024

a) Thông tin tuyển sinh, số lớp, số học sinh, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật (kèm phụ lục)

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh (kèm phụ lục)

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình cấp trung học phổ thông:

STT	Nội dung	Năm 2022 - 2023	Năm 2023 - 2024
1	Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình GDPT	76	72
2	Số lượng HS tốt nghiệp THPT	67	68
3	Số lượng HS trúng tuyển vào các trường ĐH, CĐ, trung cấp nghề	26	30

VI. Kết quả tài chính

1. Nguồn ngân sách nhà nước(kèm báo cáo)

- Thực hiện công tác dự toán, trình cấp có thẩm quyền phẩm định phê duyệt theo đúng quy định.
- Thực hiện công tác thu theo quy định của HĐND, UBND Tỉnh và Sở Giáo dục và đào tạo các khoản.
- Sử dụng nguồn ngân sách tiết kiệm, đúng nhu cầu thực tế.
- Các công tác mua sắm, sửa chữa, thanh lý tài sản đảm bảo các quy định tài chính hiện hành.
- Trong năm 2023, đơn vị :
 - + Thu ngân sách là: 12.236.000.000 đồng;
 - + Đã chi: 12.170.357.507 đồng
 - + Tiết kiệm được 0, trích lập các loại quỹ như sau:
 - + Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng.
 - + Quỹ khen thưởng: 0 đồng.
 - + Quỹ phúc lợi: 0 đồng.
 - + Quỹ bổ sung thu nhập: 0 đồng.
 - Trong năm 2024, đơn vị:
 - + Thu ngân sách là 13.481.642.493 đồng đến hiện tại đã chi như sau:

STT	NỘI DUNG	THU	CHI	TÒN
I	Ngân sách (năm 2024)	13.525.742.493	13.206.813.062	318.929.431
1	Kinh phí tự chủ	13.481.642.493	13.162.713.062	318.929.431
2	Kinh phí cải cách tiền lương	0	0	0
3	Tiền Tết 2024	44.100.000	44.100.000	0
II	Phí, lệ phí	0	0	0
A	40% chi trả tiền lương			
1	Tồn 2023 chuyển sang			

STT	NỘI DUNG	THU	CHI	TÒN
2	Học phí năm học 2024-2025	0	0	0
B	60% chi hoạt động thường xuyên			
1	Tồn 2023 chuyển sang			
2	Học phí năm học 2024-2025	0	0	0
III	Quỹ phát triển sự nghiệp			
1	Tồn năm 2023	1.971.816	0	1.972.653
2	Trích lập quỹ phát triển sự nghiệp từ kinh phí tiết kiệm chi ngân sách năm 2023	0	0	0
3	Thu khác - Thu tạm ứng thuê phôtô	0	0	0
IV	Quỹ khen thưởng			
1	Tồn năm 2023	4.912	0	4.912
2	Trích lập quỹ khen thưởng từ kinh phí tiết kiệm chi ngân sách năm 2023	0	0	0
3	Thu khác	0	0	0
V	Quỹ phúc lợi			
1	Tồn năm 2023	3.738.702	0	3.744.903
2	Trích lập quỹ phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm chi ngân sách năm 2023	0	0	0
3	Thu khác	0	0	0
VI	Thu cho thuê khai thác dịch vụ giữ xe, căng tin 2024			
1	40% chi trả tiền lương			
2	60% chi hoạt động thường xuyên			
3	Nộp ngân sách nhà nước (không được sử dụng)	14.021.297	0	14.021.297

2. Các khoản đóng góp

a) Thu quỹ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục

- Đơn vị thực hiện thỏa thuận phụ huynh thu chi hộ tiền ăn do học sinh nội trú

b) Thu - dạy thêm học thêm và ôn thi THPT trong nhà trường

- Năm học 2022-2023:

+ Tổng thu: 142.200.000 đồng

+ Tổng chi: 142.200.000 đồng ((chi 80% giảng dạy GV, 20% công tác quản lý và khấu hao CSVN).

+ Tồn: 0

- Năm học 2023-2024:

- + Tổng thu: 184.580.000 đồng (trong đó tồn 2022-2023 chuyển sang là 0 đồng).
- + Tổng chi: 184.580.000 đồng (chi 80% giảng dạy GV, 20% công tác quản lý và khấu hao CSVC).
- + Tồn 0 đồng

c) Các khoản thu hộ khác bao gồm: BHYT, BHTN, Sổ LLDT và điểm danh thông minh

- Thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan có liên quan theo đúng pháp luật.

3. Việc thực hiện chính sách hàng năm về miễn, giảm, hỗ trợ học phí:

- Thực hiện đúng theo thông tư liên tịch 109/2009/BTC-BGD

4. Việc công khai các khoản thu chi:

- Thực hiện công khai hàng tháng bằng hình thức niêm yết và công khai trực tuyến qua nhóm Zalo hội đồng trường.

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Thực hiện giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp

- Kế hoạch giảng dạy năm 2023-2024 (phụ lục 4 kèm theo)
- Kết quả: kết quả: tỉ lệ 100% xếp loại từ Đạt trở lên.
- Ngoài ra đơn vị còn phối hợp với các trường đại học, cao đẳng nghề hướng nghiệp tại trường và tổ chức hướng nghiệp cho học sinh tại trường

2. Dạy học giáo dục địa phương Tây Ninh

- Kế hoạch giảng dạy năm 2023-2024 (phụ lục 5 kèm theo)
- Kết quả: có 100% học sinh xếp loại từ Đạt trở lên.

3. Giáo dục pháp luật

- Kế hoạch giáo dục pháp luật năm 2023-2024 (phụ lục 6 kèm theo).
- Trong năm học tổ chức được 06 buổi giáo dục tuyên truyền pháp luật trên phạm vi toàn trường, góp phần nâng cao chất lượng kết quả rèn luyện/kết quả hạnh kiểm của của học sinh trong năm học.

4. Các hoạt động Đoàn, Hội, CLB trong trường học:

a) Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: Xây dựng kế hoạch hoạt động theo Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn của Thành Đoàn, Hội đồng Đội thành phố

- Kết quả đánh giá cuối năm học: Vững mạnh
- Kết quả đánh giá: Liên đội xuất sắc

b) Hoạt động Hội, CLB trong nhà trường:

- Hội chữ thập đỏ: hoạt động theo Quy chế của Hội chữ thập đỏ. Kết quả đánh giá cuối năm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Hoạt động CLB: CLB thể thao của đội cầu lông. CLB có kế hoạch hoạt động và thu hút được nhiều học sinh tham gia, góp phần tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh trong quá trình học tập, nội trú tại trường.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên kết quả các hoạt động giáo dục của trường Phổ thông dân tộc nội trú năm học 2023-2024.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- HĐSP, Đoàn TNCS HCM;
- Các Hội, CLB;
- Công khai PHHS
- Lưu: VT.


HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Tươi

Phụ Lục 1: Kế hoạch giáo dục

Phụ Lục 2: Quy chế dân chủ của cơ sở giáo dục

Phụ Lục 3: Quy tắc ứng xử

Phụ Lục 4: Kế hoạch giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm học 2023-2024

Phụ Lục 5: Kế hoạch giảng dạy GDĐP Tây Ninh năm học 2023-2024

Phụ Lục 6: Kế hoạch giáo dục pháp luật năm học 2023-2024